

MỠI MÙA ĐIỀN DÃ LẠI NHỚ ĐẾN THÀY (Nhân ngày giỗ lần thứ mười của Giáo sư Trần Quốc Vượng)

MINH THUẬN

1. Tôi không có may mắn được làm học trò nghe Thầy giảng bài trên lớp, nhưng tôi học được khá nhiều ở Thầy trong những chuyến đi điền dã. Lúc mới vào nghề (tôi học Hán - Nôm, nhưng lúc đầu làm nghiên cứu tại Viện Khảo cổ học, sau chuyển sang Viện Nghiên cứu Hán - Nôm), tôi có đôi lần được đi theo đoàn khảo sát của Thầy. Đến đâu, Thầy đều hỏi và truy nguồn cặn kẽ từng địa danh, từng khúc sông, từng gò đất, từng câu ca; đọc và giải thích chữ nghĩa Hán - Nôm có ở di tích. Thầy sai học trò chép, tôi cũng chép, nhưng thành thực tôi chẳng biết để làm gì. Tuy nhiên, khi đọc được bài viết của Thầy sau những chuyến điền dã ấy, tôi mới nhận chân ra rằng, nghiên cứu điền dã thật quan trọng nhường nào.

Trong một số đợt đi khảo sát về kiến trúc cổ, tôi được đi cùng Thầy và PGS. Trần Lâm Biền. Kết thúc những chuyến điền dã, PGS. Biền nói rằng: "Ông học được nhiều thứ mà tôi chẳng học được chữ nào của ông". Đây chỉ là câu nói vui, nhưng quả thực, tôi đã học được khá nhiều trong những chuyến đi khảo sát bổ ích như vậy.

Khi chuyển sang Viện Nghiên cứu Hán - Nôm, tài liệu Hán - Nôm ở kho sách Hán - Nôm của Viện khá nhiều và đầy đủ, song, tôi vẫn thích đi khảo sát điền dã. Có lẽ là do "máu" điền dã của Thầy đã truyền sang tôi từ khi nào không biết. Thường cuối tuần, tôi đạp xe đi các di tích làng xã ven Hà Nội, thuộc địa bàn tỉnh Hà Sơn Bình cũ ghi chép, thậm chí dịch giúp thần tích cho các cụ trong làng.

Chính vì thế mà tôi là người đầu tiên được tiếp xúc, khảo cứu quả chuông Thanh Mai có minh văn cổ nhất ở nước ta, ngay sau khi được phát hiện. Chuông được đào lên ở bãi Rỗng (ven sông Hồng) thuộc địa phận làng Thanh Mai, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Khi mới phát hiện, một số người biết chữ Hán đọc dòng niên đại là "Duy Trinh nguyên...", rồi nói rằng, chẳng có niên hiệu Duy Trinh, nên không

rõ là chuông thời nào. Nghe thông tin đó, tôi lập tức đến ngay. Đúng như suy đoán, niên đại chuông phải đọc là "Duy Trinh Nguyên thập bát niên", trong đó chữ Duy là phát ngữ từ, còn Trinh Nguyên mới là tên niên hiệu vua, năm Trinh Nguyên thứ 18, tức năm 798 thời nhà Đường.

Cũng nhờ việc đi điền dã nhiều, nên khi có hội thảo khoa học về di tích làng Xốm, tức làng Phú Lãm, xã Phú Lương, huyện Thanh Oai (nay thuộc phường Phú Lương quận Hà Đông, Hà Nội) xác định các nguồn tài liệu Hán - Nôm ở đây được cho là gắn với quê hương Hai Bà Trưng. Ở làng Xốm khi đó truyền ngôn rằng, đây mới là quê gốc của Hai Bà, có văn bia ghi các sĩ tốt của Hai Bà vong trận, có các câu đối, đại tự ca ngợi sự nghiệp của Hai Bà. Một hai người nghiên cứu Hán - Nôm đã đến khảo sát, nhưng bỏ cuộc vì sự phức tạp của tư liệu. Tôi được mời đến khảo sát và không khó nhận ra rằng, văn bia dựng tại chùa Xốm đã bị mờ gần hết ở phía trên, chỉ còn đọc được họ tên người ở phía dưới là bia thời Mạc (thế kỷ XVI), với đặc trưng nổi bật là trang trí hoa văn dây leo khắc chìm mềm mại. Họ tên người ghi trên bia hoàn toàn là họ tên người công đức trong việc tu sửa chùa, không hề liên quan đến nghĩa quân Hai Bà Trưng. Ngoài ra, qua hệ thống văn tự cũng cho thấy, chỉ có những đôi câu đối ở bên ngoài tường và trên bình phong thì liên quan đến Hai Bà, còn câu đối phía trong cung thờ thì hoàn toàn không có sự liên hệ nào với sự nghiệp của Hai Bà Trưng. Thần tích và các bài văn tế đều giống hệt tài liệu đền thờ Hai Bà ở Hát Môn. Kết luận bài viết, tôi cho rằng, có lẽ, vì muốn gắn di tích của làng mình với vị anh hùng dân tộc mà ai đó trong làng đã cho sao chép tư liệu Hán - Nôm ở đền Hát Môn về. Bài tham luận của tôi trình bày trong hội thảo khoa học về di tích làng Xốm này được cố Thứ trưởng Bộ Văn hóa khi đó là Nông Quốc Chấn khen ngợi.

Cũng chính từ sau nghiên cứu này, tôi tự rút ra nhận xét rằng, bia thời Mạc có phong cách riêng, lại rất đẹp. Và, từ đó, tôi quyết định sưu tập văn bia thời Mạc. Việc sưu tập văn bia thời Mạc lại gặp đúng dịp Viện Sử học thực hiện đề tài nghiên cứu: Đánh giá lại nhà Mạc. Tôi cung cấp một phần sưu tập văn bia thời Mạc cho Viện Sử học. Tài liệu lập tức được khai thác khá triệt để và hiệu quả. Nhờ đó mà tôi dần dần hình thành hướng nghiên cứu về văn bia thời Mạc và đóng góp tư liệu văn bia trong nghiên cứu lịch sử, văn hóa thời Mạc.

Gần đây, tôi được Thiếu tướng, TS. Nguyễn Quang Bắc nhờ dịch và chấp nối tư liệu Hán - Nôm để khôi phục dòng sông Tiêu Tương cổ. Tôi có dịp đọc lại bài viết về sông Tiêu Tương của Thầy, lại càng thêm ngưỡng mộ. Trong bài viết, Thầy đã sử dụng tư liệu diên dã, cùng truyền thuyết để chấp nối các đoạn sông Tiêu Tương đã bị lấp. Các giả thiết trong bài viết của Thầy hoàn toàn trùng lặp với tư liệu địa chí Hán - Nôm. Dựa trên tài liệu này và tài liệu bản đồ vệ tinh, TS. Bắc đã không khó đồ họa lại dòng sông Tiêu Tương. Bản đồ dấu tích sông Tiêu Tương hiện được lưu tại di tích đền thờ các vị vua thời Lý ở Đình Bảng.

Việc nghiên cứu văn bản Hán - Nôm kết hợp với nghiên cứu diên dã đã giúp tôi tự tin lý giải một số vấn đề gây tranh cãi, như bia mộ của vị thủy tổ họ Bùi là Bùi Quang Dũng (922 - 1018), công thần triều Lý ở Thái Bình được ghi là do Lý Công Uẩn soạn. Đã có không ít bài viết tán tụng bài văn bia này, nhưng tôi cho rằng, chỉ có mỹ tự do Lý Công Uẩn ban cho sau khi vị công thần họ Bùi này mất, còn bài văn bia, thì có lẽ, do người đời sau sao chép các mỹ tự rồi lắp ghép thành bài văn bia có lạc khoản là "Lý Công Uẩn ngự soạn năm Thuận Thiên thứ 9 (1018), Khuông Việt Lý Pháp Chân (thực ra là Ngô Chân Lưu) vâng mệnh chép". Ngay dòng lạc khoản này đã quá sai, vì Ngô Chân Lưu mất năm 1011 - mất trước thời điểm soạn và khắc bài văn bia này 7 năm, thì làm sao có thể viết chữ cho thợ khắc bia được?

Trong những dịp làm việc với giáo sư David Faure, Chủ nhiệm Khoa Lịch sử, Trường Đại học Hồng Kông, Trung Quốc, tôi được biết giáo sư rất coi trọng nghiên cứu diên dã. Đây là một trong những phương pháp nghiên cứu được các học giả Âu Mỹ hết sức coi trọng. Khi làm việc với các học giả Đài Loan, tôi nhận thấy, họ cũng rất coi trọng nghiên cứu diên dã. GS. Trần Ích Nguyên, Trường Đại học Thành Công Đài Loan nói rằng, cần hỏi tư

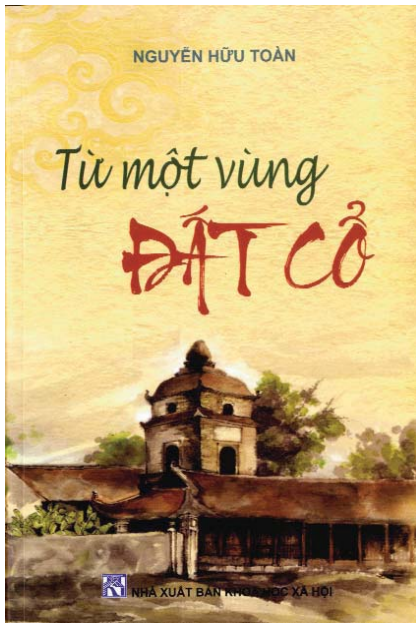
liệu Hán - Nôm thì đến Viện Nghiên cứu Hán Nôm, cần đi diên dã thì đến Viện Nghiên cứu Văn hóa, nhưng nếu vừa cần hỏi tài liệu Hán - Nôm và cần đi diên dã thì cứ tìm gặp GS. Thuận. Tôi nghĩ, đây cũng chỉ là câu nói vui. Nhưng thực tế, khi nghiên cứu tác phẩm văn học nổi tiếng của Việt Nam thế kỷ XVI *Truyện kỳ mạn lục*, các nhà nghiên cứu nước ngoài đến Việt Nam có nhu cầu đi tìm dấu tích câu chuyện "Người con gái Nam Xương" và "Người nghĩa phụ ở Khoái Châu", họ đã nhờ tôi đưa đến khảo sát các di tích liên quan đến hai câu chuyện này. Đúng là không phải ai cũng có thể biết và dẫn họ tới các di tích liên quan đến câu chuyện này được. Riêng tôi, tôi có thể giúp họ được.

Nghiên cứu văn bản Hán - Nôm kết hợp với nghiên cứu diên dã đã giúp tôi vững vàng hơn trong nghiên cứu của mình. Có được điều đó chính là do tôi ít nhiều học "mót" được từ Thầy.

2. Khi Thầy lâm bệnh, tôi nghĩ phải làm điều gì đó với Thầy. Tôi liền gặp Thầy để xuất việc chỉnh lý và xuất bản lại tập sách *Việt sử lược* mà Thầy đã dịch, giới thiệu trước đây. Sau đó ít hôm, tôi nhận được bản photo tập sách và bản chữ Hán "Việt sử lược" do GS. Nguyễn Quang Ngọc gửi đến. Tôi nhờ người đánh máy, rồi đối chiếu với nguyên bản chữ Hán, chỉnh lý, bổ sung chú thích. Phần dịch nghĩa, tôi chỉ sửa chữa câu văn cho phù hợp với ngữ cảnh và cho dễ hiểu hơn đối với người đọc hiện nay. Phần chú thích, tôi bổ sung những chỗ mà tập sách còn bỏ ngỏ, đồng thời cập nhật các nghiên cứu mới để chỉnh sửa một vài địa danh và sự kiện lịch sử. Chẳng hạn, Chú thích 8 trang 67, nguyên văn nói đến sự kiện lịch sử năm Tân Tỵ niên hiệu Thiên Phúc thứ nhất (981): "Mùa Xuân tháng 3, quân của Hầu Nhân Bảo đến Lãng Sơn, Trần Khâm Tộ đến Tây Kết, Lưu Trùng đến sông Bạch Đằng". Trong bản dịch trước, địa danh Lãng Sơn phiên là Ngân Sơn, được sửa lại thành Lãng Sơn và chua (chú) thêm là thuộc tỉnh Quảng Ninh. Hoặc ở chú thích 159 trang 215, tôi dựa vào văn bia thời Mạc năm Diên Thành sơ niên (1578) chùa Nả, thuộc huyện Ba Vi, Hà Nội để giải thích rõ hơn địa danh Chân Na vốn là hương Chân Na thời Trần, đến thời Mạc là hương Chân Na, huyện Tân Phong, phủ Tam Đái...

Chỉnh lý tập sách này, tôi càng khâm phục vốn Hán học và kiến thức địa danh lịch sử của Thầy khi Thầy còn rất trẻ...

(Xem tiếp trang 118)



phần khá hợp lý:

Phần I - Một vùng đất cổ, gồm 14 bài viết về một số vấn đề lịch sử, văn hóa, đặc biệt là các di sản văn hóa, ở vùng đất cổ Bắc Ninh.

Phần II - Chắp nhặt

dông dài: gồm 26 bài viết lý luận và thực tiễn về hoạt động bảo tàng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể nói chung, ở một số ngành, địa phương cụ thể nói riêng.

Mặc dù tác giả khá khiêm tốn khi tự cho rằng những bài viết về vùng đất cổ quê mình chỉ nhằm để tri ân vùng đất đã "ôm ấp, chở che, dưỡng dục, cho tôi nên người", còn những bài viết ở phần II chỉ là những câu chuyện "chắp nhặt dông dài", với hy vọng bạn đọc, qua đây, có được "dù chỉ là vài khúc vui ngắn ngủi", nhưng người đọc sẽ dễ dàng nhận thấy qua từng bài viết cũng như qua cả tập sách, những phát hiện mới mẻ, lý thú, những ý kiến thảo luận, đề xuất phần nhiều đều có cơ sở lý luận và thực tiễn sâu sắc, nên khá thuyết phục, cùng nhiều vấn đề chỉ giới hạn ở sự "gợi nghĩ", nhưng có thể đã chín muồi,...

Và, mặc dù là một tập hợp các bài nghiên cứu, nhưng, như Tiến sĩ Phạm Quốc Quân đã nhận thấy, những vấn đề chuyên môn, khoa học đều được tác giả trình bày bằng "sự sống động trong văn chương, sự khai thác các tầng vĩa dụng công và có đôi chút khác biệt so với những người đi trước",... nên đây là tập sách đã có được sự hấp dẫn riêng, và dễ đọc.

Từ một vùng đất cổ gồm 379 trang, được xuất bản vào tháng 7 năm 2015, tại Nhà Xuất bản Khoa học xã hội./.

KHÁNH TRANG

(Tiếp theo trang 114)

Bản thảo tập sách đã hoàn chỉnh. Tôi đưa đến xin ý kiến Thầy. Khi này, bệnh tình của Thầy đã quá nặng. Thầy không nói gì, nhưng qua ánh mắt, tôi biết Thầy vui và tin tưởng ở tôi. Có được bản thảo, tôi gõ cửa các nhà xuất bản. Rất may, được Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây và Nhà Xuất bản Thuận Hóa nhận lời xuất bản. Bản thảo được nhanh chóng chế bản, nhưng khi in kèm phụ lục chữ Hán của tập sách, thì thấy không ổn, bởi sách chữ Hán gửi tới tôi là bản photo từ bản được giới thiệu tại Nhật Bản quá mờ, lại có nhiều nét bút sửa chữa. Tôi nhờ đến Viện Nghiên cứu Hán - Nôm xin chụp sách *Việt sử lược* bản gốc, kí hiệu: VHv. 1521. Tập sách được scan khá đẹp. Tuy nhiên, bản chụp từ sách ở Viện Nghiên cứu Hán - Nôm so với bản chụp sách xuất bản tại Nhật Bản có đôi chỗ khác nhau, nhất là ở trang đầu. Do đó, giữa bản dịch và nguyên bản chữ Hán đính kèm có đôi chỗ không khớp, như đã bỏ sót không dịch mấy câu viết về nguồn gốc sách. Đó là lỗi khi xuất bản, trong đó, có một phần sơ suất của tôi đã không kiểm tra lại.

Dấu sao sách in đẹp, có phụ kèm nguyên bản chữ Hán rất có giá trị. Nhờ đó mà không ít nhà khoa học, dịch giả đã sử dụng tập sách này, thậm chí dựa vào đó để "dịch lại" và xuất bản sách *Việt sử lược*.

Trang bìa sách vẫn giữ nguyên như lần xuất bản đầu (năm 1959): Tác giả khuyết danh đời Trần thế kỷ XIV (gồm 3 quyển), *VIỆT SỬ LƯỢC*, Trần Quốc Vượng (Phiên dịch và chú giải). Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây đã cố gắng hết sức, song, khi sách phát hành thì Thầy đã đi xa. Do đó, mọi sự cố gắng của Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây và cá nhân tôi cho việc xuất bản tập sách, chỉ mong như một nén tâm nhang tưởng niệm Thầy, ngay sau khi Thầy vừa đi xa.

Dù chưa nhìn thấy sách, song, chắc là Thầy vẫn tin tưởng ở công việc tôi làm. Tuy Thầy không nói với tôi, nhưng Thầy kịp nói lại với Nguyễn Hồng Kiên. Và, sau đó, có lần Nguyễn Hồng Kiên nói với tôi rằng: Cụ bảo tôi là: "Thuân nó chơi được đấy". Đây chính là hạnh phúc lớn nhất trong đời nghiên cứu của mình là được "chơi" với học trò của Thầy.

Cứ đến mùa điền dã, lại nhớ đến Thầy./.

Ngày hè ở làng cổ Antony, Cộng hòa Pháp

M.T